

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432501)

Ngày thi: 24/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: ...

Số bài thi: ...

Số tờ giấy thi: ...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121240156	Võ Hoàng Ân	19/11/2003	CCQ2124F	12	Ân	8.3	8.6	8.5	
2	2121240050	Trần Ngọc Phương	17/05/2002	CCQ2124B			0.0			
3	2121240006	Nguyễn Thị Bình	19/05/2000	CCQ2124A	10	Bình	8.8	6.0	7.1	
4	2121240123	Lê Thị Yến	19/10/2003	CCQ2124E	11	Chi	8.7	9.1	8.9	
5	2121240003	Trần Thị Hồng	03/07/2003	CCQ2124A	12	Thi	6.7	6.2	6.4	
6	2121240049	Phan Thành Công	23/09/2003	CCQ2124B	12	Công	7.3	3.9	5.3	
7	2122240098	Đặng Thị Cẩm Đào	02/12/2004	CCQ2224D	10	Đào	8.6	5.7	6.9	
8	2122240143	Hoàng Thị Thu	22/02/2002	CCQ2224E	10	Thu	7.5	5.4	6.2	
9	2121200094	Lê Nguyễn Anh	23/11/2002	CCQ2124F	09	Anh	8.5	7.2	7.7	
10	2121200093	Lê Nguyễn Hồng	16/06/2001	CCQ2124F	11	Hồng	8.6	9.0	8.8	
11	2121240026	Vũ Thị Anh	10/05/2003	CCQ2124A	09	Anh	9.5	7.8	8.5	
12	2122240108	Nguyễn Thế Dũng	16/11/2001	CCQ2224D	12	Đức	9.1	5.6	7.0	
13	2120240033	Đinh Hương	02/12/2001	CCQ2024B	11	Hương	8.1	9.0	8.6	HP
14	2121240059	Lê Thị Giang	10/02/2003	CCQ2124B	10	Giang	8.7	4.1	5.9	
15	2121240010	Trần Thanh Hào	25/07/2000	CCQ2124A	12	Hào	5.0	5.7	5.4	
16	2122240202	Trần Thị Hướng	08/03/2002	CCQ2224D	10	Hướng	8.9	7.1	7.8	
17	2121240004	Bùi Quốc Hữu	31/01/2003	CCQ2124A	11	Hữu	7.6	4.5	5.7	
18	2121240036	Bùi Phương Khanh	29/07/2003	CCQ2124B	10	Khanh	8.9	9.0	9.0	
19	2122240106	Bùi Thị Trúc Linh	11/09/2004	CCQ2224D	11	Linh	7.8	7.8	7.8	
20	2121240013	Đào Thị Tuyết	01/02/2003	CCQ2124A	12	Tuyết	8.0	4.6	6.0	
21	2121240031	Đào Thị Ngọc	11/07/2003	CCQ2124B	09	Ngọc	9.0	7.7	8.2	
22	2121240037	Lý Thị Ngân	12/03/2003	CCQ2124B	09	Ngân	7.6	6.2	6.8	
23	2121240002	Trần Tuyết Ngân	13/03/2003	CCQ2124A	11	Ngân	7.9	7.0	7.4	
24	2121240020	Phạm Thế Nghĩa	06/10/2003	CCQ2124A	12	Nghĩa	8.8	5.3	6.7	
25	2121240009	Trần Kim Ngọc	12/06/2003	CCQ2124A	09	Ngọc	6.1	5.8	5.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432501)

Ngày thi: 24/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 24

Số bài thi:

Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viễn chấm thi 1

G.Viễn chấm thi 2

Trần Thị Hồng

Ng. Thị Sương

G. Thị Phương Linh

Ng. T. Tuyết Hoa

D: 24
H: 0

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121240041	Trần Thị Bích	Ngọc	07/07/2003	CCQ2124B	12	Ngọc	8.7	8.2	8.4
2	2121240023	Võ Nguyễn Minh	Ngọc	03/06/2003	CCQ2124A	12	Ngọc	7.2	6.4	6.7
3	2121240028	Nguyễn Hoàng Bảo	Nguyễn	13/01/2003	CCQ2124A	11		8.2	6.3	7.1
4	2121240137	Huỳnh Thùy Quỳnh	Như	01/02/2003	CCQ2124E	12	Như	8.3	6.9	7.5
5	2122240101	Phạm Thị Hằng	Ni	12/11/2004	CCQ2224D	11	Thị	9.5	7.1	8.1
6	2121240056	Nguyễn Kỳ	Phong	25/07/2003	CCQ2124B	10		8.4	7.1	7.6
7	2121240034	Trần Thị An	Phúc	12/12/2003	CCQ2124B	11	phuc	8.2	8.2	8.2
8	2121240015	Trương Hoài	Phương	16/09/2003	CCQ2124A	11	Phuong	8.4	4.4	6.0
9	2121240011	Võ Thị Bích	Phượng	25/02/2003	CCQ2124A	12	Phượng	7.5	4.9	5.9
10	2122240086	Nông Thị Hồng	Quỳnh	24/10/2000	CCQ2224C	11		9.5	8.9	9.1
11	2121240017	Bùi Thị Bích	Quỳnh	04/12/2002	CCQ2124A	11		6.3	4.3	5.1
12	2122240162	Lưu Trúc	Quỳnh	10/01/2004	CCQ2224C	11	Trúc	8.1	7.0	7.4
13	2121240024	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	16/03/2003	CCQ2124A	09	Thanh	8.5	7.3	7.8
14	2121240054	Trương Thị Thu	Thảo	12/04/2003	CCQ2124B	10		8.9	7.7	8.2
15	2121240141	Vũ Minh	Thông	13/10/2003	CCQ2124E	09	Minh	8.4	7.8	8.0
16	2121240007	Võ Lê	Thư	04/01/2003	CCQ2124A	09	Thư	6.8	4.3	5.3
17	2121240057	Nguyễn Thị	Thương	09/04/2003	CCQ2124B	12	Thương	9.5	9.0	9.2
18	2121240018	Dương Thị Bích	Thùy	08/06/2003	CCQ2124A	12		6.3	5.3	5.7
19	2122240084	Lê Nguyễn Thùy	Trâm	20/01/2004	CCQ2224C	10		7.0	6.2	6.5
20	2121240052	Vũ Thị Thùy	Trâm	10/09/2003	CCQ2124B	09	ThuyTram	8.7	4.0	5.9
21	2121240043	Nguyễn Thiên	Tường	06/01/1997	CCQ2124B	10		9.2	7.6	8.2
22	2121240045	Nguyễn Kiều	Vân	28/11/2003	CCQ2124B	10	Kim	6.8	3.8	5.0
23	2121240029	Nguyễn Hà	Vi	05/12/2003	CCQ2124A	09	Thị	8.4	4.8	6.2
24	2121240174	Trần Văn	Vũ	19/09/2002	CCQ2124F	09	Vũ	8.2	6.8	7.4
25	2121240051	Nguyễn Trung	Vương	27/11/2003	CCQ2124B					HP

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432502)

Ngày thi: 24/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B103

0: 20

H: 03

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

TPDP

TKC

Nguyễn Thị Tuyết Hân

NTPhan

C. Linh

148

STT	Mã SV	Họ và Tên	Anh	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121240122	Trần Hoài Vân	Anh	08/12/2003	CCQ2124E	10	<i>Ctrb</i>	8,8	6,7	7,5	HP
2	2121240161	Trần Thị Tuyết	Anh	19/06/2003	CCQ2124F	11	<i>tht</i>	7.5	2,6	4,6	
3	2121240129	Nguyễn Chí Cường	Cường	03/08/2000	CCQ2124E						HP
4	2121240140	Nguyễn Trí	Cường	02/02/2003	CCQ2124E	09	<i>Trí</i>	7.1	6,5	6,7	
5	2121240061	Nguyễn Ngọc	Diễm	09/11/2002	CCQ2124C	10	<i>Ngoc</i>	6.8	7,0	6,9	
6	2121240165	Ngô Thị Mỹ	Dung	19/01/2003	CCQ2124F	11	<i>Ngô</i>	6.8	2,6	4,3	
7	2121240164	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	01/01/2002	CCQ2124F	12	<i>Mydy</i>	7.7	6,8	7,2	
8	2121240173	Nguyễn Thị Bé	Duyên	20/07/1999	CCQ2124F	09	<i>Bé</i>	7.8	6,1	6,8	
9	2119240202	Phạm Thị Hồng	Duyên	10/06/2001	CCQ1924H	10	<i>Hồng</i>	8.5	3,9	5,7	
10	2122240074	Nguyễn Hoàng	Giang	10/03/2004	CCQ2224C						HP
11	2121240132	Đặng Thị Ngọc	Hân	14/03/2003	CCQ2124E	12	<i>Hân</i>	8.2	5,5	6,6	
12	2121240159	Lê Như	Hào	09/09/2003	CCQ2124F	09	<i>Trào</i>	8.4	7,5	7,9	
13	2122240068	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	10/06/2003	CCQ2224C	10	<i>Ngoc</i>	8.7	8,6	8,6	
14	2121240175	Võ Thị Thu	Hiền	17/01/2001	CCQ2124F	12	<i>Thu</i>	8.2	5,2	6,4	
15	2122240077	Nguyễn Ngọc Kiều	Hương	05/05/2003	CCQ2224C	11	<i>Huong</i>	7.7	6,6	7,0	
16	2121240168	Nguyễn Đăng	Khoa	05/10/2003	CCQ2124F	10	<i>Đan</i>	7.5	6,4	6,8	
17	2121240144	Trần Minh	Khôi	23/05/2003	CCQ2124E	09	<i>Minh</i>	7.4	6,6	6,9	
18	2122240072	Lê Hoàng	Khương	28/05/2001	CCQ2224C	12	<i>Hoàng</i>	9.3	9,0	9,1	
19	2121240154	Kon Sơ K	Lan	13/09/2000	CCQ2124F	11	<i>Sơ K</i>	8.2	5,0	6,3	
20	2121240151	Bùi Nhật Mai	Linh	09/05/2003	CCQ2124F	09	<i>Ngoc</i>	9,4	7,4	8,2	HP
21	2121240128	Lê Thị	Linh	10/05/2002	CCQ2124E	10	<i>Thị</i>	7.3	5,9	6,5	
22	2120240239	Nguyễn Chúc	Linh	30/04/2002	CCQ2024H	11	<i>Chúc</i>	6,6	2,8	4,3	HP
23	2121240153	Bùi Nhật Mai	Ly	09/05/2003	CCQ2124F	12	<i>Ngoc</i>	9,0	8,9	8,9	HP
24	2121240145	Nguyễn Thị Hằng	Nga	31/03/2003	CCQ2124E	09	<i>Hằng</i>	7.1	5,6	6,2	
25	2121240169	Phan Thị Phương	Nga	26/04/2002	CCQ2124F	10	<i>Phan</i>	7.0	6,8	6,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Tiếng Anh chuyên ngành Logistics
(22432502)

Ngày thi: 24/01/2024

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B104

Đ: 23
H: 0
Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 23
Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

V. Viên chấm thi 2

N.T.T. Loan

N.T.T. Loan

Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn T.P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121240127	Huỳnh Kim Ngân	01/09/2003	CCQ2124E	09		7.1	5.8	6.3	
2	2122240079	Hồ Thị Mỹ Nhân	09/09/2004	CCQ2224C	10	Nhân	8.4	4.7	6.2	
3	2121240133	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	27/11/2003	CCQ2124E	11	Nhi	7.4	6.5	6.9	
4	2121240131	Ngô Thị Thu Nhung	18/02/2003	CCQ2124E	12	Nb	7.4	4.8	5.8	HP
5	2121240160	Phạm Thị Minh Quí	03/12/2002	CCQ2124F	09	mhqo	8.0	5.9	6.7	
6	2122240091	Đỗ Ngọc Như Quỳnh	13/04/2004	CCQ2224C	11	ĐN	8.0	5.7	6.6	
7	2120240075	Kiều Nữ Diễm Quỳnh	08/07/2002	CCQ2024C	12	Jul	7.6	4.6	5.8	
8	2122240069	Nguyễn Thị Tú Quỳnh	04/10/2003	CCQ2224C	09		9.5	8.7	9.0	
9	2121240135	Nguyễn Ngọc Sơn	16/04/2001	CCQ2124E	10	Son	7.3	5.5	6.2	
10	2122240197	Lê Thị Thu Sương	10/06/2004	CCQ2224E	11	Sug	7.8	6.4	7.0	
11	2121170322	Phan Phú Thành	05/07/2003	CCQ2124F	09	Ph	7.6	5.3	6.2	
12	2122240009	Đỗ Thị Thảo	09/03/2000	CCQ2224A	12	ĐT	7.4	4.1	5.4	HP
13	2121240121	Dương Ngọc Anh Thư	01/01/2003	CCQ2124E	12	ĐT	7.5	8.9	8.3	
14	2121240147	Nguyễn Thị Minh Trâm	08/08/2001	CCQ2124E	11	NT	7.0	5.3	6.0	
15	2122240082	Phạm Thị Huyền Trâm	16/09/2004	CCQ2224C	10	Ph	7.7	4.0	5.5	
16	2122240093	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	23/06/2004	CCQ2224D	10	Ph	6.8	4.0	5.1	
17	2122240063	Đạo Thanh Trường	28/01/2004	CCQ2224C	12	ĐT	7.9	5.4	6.4	
18	2121240166	Nguyễn Thanh Tùng	09/12/2003	CCQ2124F	10	Tu	6.5	5.3	5.8	
19	2120240119	Hồ Thị Thanh Tuyền	27/05/2002	CCQ2024D						HP
20	2121240136	Huỳnh Yến Tuyết	03/07/2003	CCQ2124E	10	Yue	6.5	7.1	6.9	
21	2121190165	Bà Thị Kim Uyên	28/03/2003	CCQ2124F						HP
22	2120240253	Hứa Nhật Phương Uyên	18/05/2002	CCQ2024H	09	Uy	6.3	4.1	5.0	
23	2122240076	Bùi Thị Tuyền Vi	22/10/2004	CCQ2224C	11	Vi	8.1	6.0	6.8	
24	2122240064	Trương Thị Ngân Vy	01/02/2003	CCQ2224C	09	Tr	6.1	6.9	6.6	
25	2121240142	Trần Ngọc Như Ý	30/10/2003	CCQ2124E	11	Tr	7.4	7.9	7.7	